TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày: 08 – 7 – 2024
Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Giang Phước Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị An

2. Ông Trần Văn Sơ.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày các ngày 04 và 08 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Khu phố T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

Bị đơn: Bà Thủy M, 1983. Địa chỉ: Tổ 1, Khu phố B, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày: Ngày 21/6/2023 bà Thủy M có đến nhà bà vay số tiền 60.000.000 đồng để sử dụng đáo hạn ngân hàng, thời gian là 07 ngày, sau khi ngân hàng giải ngân thì bà M sẽ trả cho bà, bà M có làm biên nhận, ký tên và lăn tay vào biên nhận. Theo biên nhận không có thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu nhưng chỉ nói là khi nào bà M trả tiền sẽ cho bà tiền cà phê. Đến thời hạn trả nợ bà M không thanh toán mà hẹn nhiều lần, nhưng đến nay không thanh toán gốc và lãi. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà Thủy M thanh toán số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/06/2023 đến ngày 21/10/2023 là 04 tháng với mức lãi suất

14,25%/năm thành tiền là 2.850.000 đồng và tiền lãi sau ngày 22/10/2023 đến khi xét xử. Bà chỉ yêu cầu bà Thủy M thanh toán nợ. Tại phiên tòa, bà yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Thủy M mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: nguyên đơn đã tuân theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ do các đương sự cung cấp, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim H buộc bị đơn bà Thủy M trả lại cho nguyên đơn bà H số tiền vay gốc 60.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật từ ngày 21/6/2023 đến ngày xét xử; Đình chỉ một phần yêu cầu đối với số tiền lãi do nguyên đơn rút. Buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim H khởi kiện bị đơn bà Thủy M yêu cầu trả khoản nợ vay 60.000.000 đồng và tiền lãi. Xét thấy bị đơn bà Thủy M cư trú tại khu phố B, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Thủy M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Ngày 21/6/2023, bà Thủy M có vay của bà Nguyễn Kim H số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Sau khi nhận được khoản tiền vay bà Thủy M không đóng tiền lãi và khi đến hạn bà M không thanh toán tiền gốc cho bà H, do đó phát sinh tranh chấp.

[4] Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Kim H và bà Thủy M là sự thỏa thuận của các đương sự, các bên có xác lập biên nhận viết tay theo mẫu có chữ ký của bà Thủy M, phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Sau đó bà Nguyễn Kim H đã giao đủ số tiền vay 60.000.000 đồng cho bà M theo quy định tại Điều 465 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi đến hạn thanh toán bà Thủy M không thực hiện thanh toán nợ gốc cho bà Nguyễn Kim H nên căn cứ vào

Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà Thủy M thanh toán cho bà Nguyễn Kim H số tiền gốc 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật.

[5] *Về thời hạn thanh toán và mức lãi suất*: Tại biên nhận ngày 21/6/2023 có ghi nhận thời gian vay là 07 ngày nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn theo Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài ra, biên nhận ngày 21/6/2023 cũng không thể hiện lãi suất cho vay giữa các bên là bao nhiêu theo bà H trình bày các bên có thỏa thuận khi nào bà M trả tiền sẽ cho bà tiền cà phê, không có thỏa thuận lãi suất cụ thể. Quá trình tố tụng tại Tòa án bà Thủy M không có ý kiến trình bày nên không xác định được các bên có thỏa thuận với nhau về mức lãi suất cho vay tại thời điểm cho vay hay không nên xác định đây là hợp đồng vay không có lãi, căn cứ vào khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*". Do đó, cần buộc bà Thủy M phải trả cho bà Nguyễn Kim H tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm trên số tiền chậm trả kể từ ngày hết hạn thanh toán là ngày 29/6/2023 đến ngày xét xử là 04/7/2024 là 12 tháng 05 ngày, số tiền lãi là 6.083.333 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 66.083.333 đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

[6] *Về án phí*: Bà Thủy M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thi hành theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Thủy M phải thanh toán cho bà Nguyễn Kim H số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), tiền lãi là 6.083.333 đồng (Sáu triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), tổng cộng là 66.083.333 đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Thủy M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.304.166 đồng (Ba triệu ba trăm lẻ bốn nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Bà Nguyễn Kim H thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà Thủy M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.H;
- Chi cục THADS TP. H;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Phước Thành